

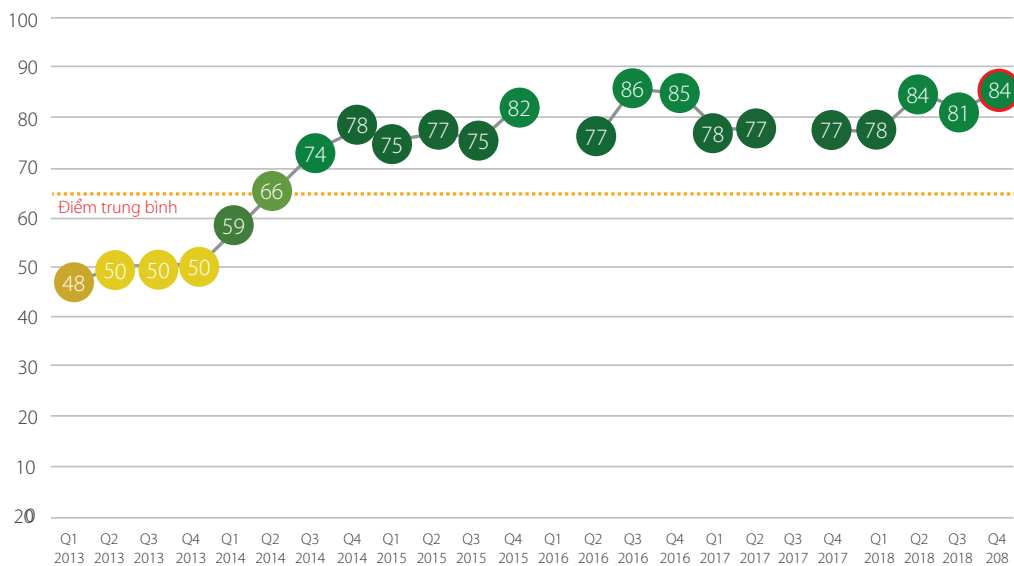
TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ VÀ KIẾN NGHỊ CHÍNH

TỔNG QUAN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA VIỆT NAM

Kể từ thời điểm công bố ấn bản Sách trắng của chúng tôi vào tháng 3 năm 2018, Chính phủ đã tiếp tục nỗ lực cải cách các quy định pháp luật để nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh đầu tư tại Việt Nam.

Thông qua Chỉ số Môi trường Kinh doanh (BCI), EuroCham đã và đang nắm bắt được nhịp điệu của các doanh nghiệp châu Âu hoạt động tại Việt Nam từ năm 2010. BCI cập nhật cho chúng tôi về các đánh giá thực tế, chuyên sâu từ các công ty thành viên và cho thấy quan điểm của những công ty này về môi trường kinh doanh trong mỗi quý. Bằng cách trả lời các câu hỏi khảo sát, các thành viên EuroCham cung cấp cho chúng tôi quan điểm của họ về tình hình và triển vọng kinh doanh tại thị trường Việt Nam. BCI mới nhất cho thấy các công ty châu Âu vẫn có đánh giá tích cực về môi trường kinh doanh. Kết quả đánh giá trong Quý 4 năm 2018 ở mức cao nhất kể từ cuối năm 2016.

Biểu đồ 2: Chỉ số Môi trường Kinh doanh EuroCham năm 2018



Nguồn: Chỉ số Môi trường Kinh doanh EuroCham năm 2018

Tuy nhiên, bất kể đánh giá khả quan này, vẫn còn nhiều thách thức đang ở phía trước. Việt Nam xếp vị trí thứ 77 theo Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu 2018 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), giảm 3 bậc so với năm ngoái. Báo cáo chỉ ra rằng Việt Nam là nền kinh tế có năng lực cạnh tranh thứ 5 trong khu vực Đông Nam Á, sau Singapore (xếp thứ 2), Malaysia (xếp thứ 25), Thái Lan (xếp thứ 38), và Philippines (xếp thứ 56), nhưng xếp trên Cam-pu-chia (xếp thứ 110) và Lào (xếp thứ 112).¹

Nhận thấy những thách thức này, Chính phủ đã thông qua một loạt các Nghị quyết để cải thiện môi trường kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh của Việt Nam, nhằm đạt mức trung bình của nhóm ASEAN-4 vào năm 2020.¹ Cam kết của Chính phủ về việc hội nhập quốc tế nhiều hơn cũng đang giúp giải quyết vấn đề này. Sự tham gia của

¹ Việt Nam xếp thứ 77/140 theo chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu, *VOV World*, ngày 17 tháng 10 năm 2018. Xem tại: <<https://english.vov.vn/economy/vietnam-ranks-77140-in-global-competitiveness-index-385455.vov>> truy cập mới nhất vào ngày 25 tháng 1 năm 2019.

Việt Nam vào 16 hiệp định thương mại song phương và đa phương với 59 nền kinh tế trên toàn thế giới đã giúp Chính phủ tiếp tục tiến hành các biện pháp để cải cách các thủ tục hành chính, cải thiện khung pháp lý nhằm tạo môi trường kinh doanh, đầu tư thuận lợi hơn, tái cấu trúc các Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) và đảm bảo tính minh bạch trong quản lý hành chính.

EuroCham, cùng với 16 Tiểu ban Ngành nghề, được thành lập để giúp cải thiện thương mại và đầu tư tại Việt Nam vì lợi ích của tất cả các bên. Trong phần còn lại của chương này, chúng tôi sẽ tóm tắt tới các vấn đề và kiến nghị cụ thể theo ngành mà các thành viên tin rằng, thông qua đó chúng tôi sẽ góp phần xây dựng một Việt Nam trở thành điểm đầu tư cạnh tranh và hấp dẫn hơn cho các doanh nghiệp.

TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ VÀ KIẾN NGHỊ CHÍNH

I. NÂNG CAO ĐIỀU KIỆN SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN

1. Diễn đàn Y tế EuroCham

a. Hợp tác hướng tới sự phát triển của ngành khoa học đời sống

- i. Tăng cường đối thoại giữa Chính phủ, các ngành và các bên hữu quan để xác định chính sách toàn diện, vừa giải quyết các vấn đề ngắn hạn phát sinh và vừa đảm bảo lợi ích cho cả bệnh nhân, Chính phủ và ngành Y tế, đồng thời triển khai thực hiện thành công các hiệp định thương mại quốc tế gần đây.
- ii. Thiết lập khung pháp lý có thể đoán định và có tầm nhìn đủ xa để các công ty nước ngoài hoạt động và trở thành các đối tác lâu dài tại Việt Nam. Việc này nên bao gồm các sáng kiến khuyến khích đầu tư dài hạn từ các công ty đa quốc gia cho sản xuất trong nước, chuyển giao công nghệ, đầu tư vào năng lực địa phương và giáo dục y tế.
- iii. Thành lập Nhóm công tác liên bộ dưới sự lãnh đạo của đại diện cấp cao Chính phủ nhằm xây dựng Lộ trình phát triển ngành.

b. Tạo điều kiện cho Hợp tác Công - Tư

- i. Xây dựng khung pháp lý (Thông tư hướng dẫn của Bộ Y tế) để áp dụng các mô hình Hợp tác Công Tư trong lĩnh vực y tế mang tính sáng tạo (lĩnh vực dịch vụ) lồng ghép vào Chiến lược Tài chính Y tế Quốc gia.
- ii. Việt Nam cần hỗ trợ xây dựng và phát triển chương trình chăm sóc tại nhà chuyên nghiệp, cho phép bệnh nhân tiếp cận điều trị với sự tham gia của các chuyên gia y tế, nhằm giảm số lượng bệnh nhân dồn về các bệnh viện, đặc biệt là các bệnh nhân mắc bệnh mãn tính.

c. Củng cố các tiêu chuẩn đạo đức trong ngành Y tế

Diễn đàn Y tế EuroCham kêu gọi các bên liên quan trong ngành Y tế chung tay với các nỗ lực của chúng tôi trong việc thúc đẩy những tiêu chuẩn đạo đức và nâng cao tính tuân thủ thông qua:

- i. Các hiệp hội doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp quốc tế áp dụng những Bộ Quy tắc Đạo đức ngành với cùng tiêu chuẩn đạo đức cao.
- ii. Tăng cường đối thoại với tất cả các bên liên quan trong ngành y tế để thúc đẩy các tiêu chuẩn đạo đức cao, thông qua diễn đàn được lập ra bởi Cam kết chung về Hoạt động Liêm chính và Minh bạch tại Việt Nam mà chúng tôi đã ký với cộng đồng y học, các hiệp hội dược phẩm và thiết bị y tế.

2. Thuốc Chất lượng Quốc tế – Thuốc Generic và Thuốc Biosimilar

Thuốc Generic

a. Phân biệt dược phẩm hết hạn bảo hộ

- i. Nâng cấp cơ chế phân loại thuốc trong hoạt động đấu thầu của bệnh viện, trong đó xét tới yếu tố lợi ích

kết quả điều trị thực tế của người bệnh.

- ii. Áp dụng phương pháp đánh giá trên cơ sở Phân tích Đánh giá Đa Tiêu chí (MCDA) trong việc ra quyết định liên quan đến dược phẩm, cụ thể đối với xây dựng Danh mục Thuốc được Bảo hiểm Y tế chi trả (NRDL) vì phương pháp này giúp đảm bảo một cơ chế đánh giá toàn diện và minh bạch.
- iii. Kết quả thảo luận tại Hội thảo cho thấy phương pháp MCDA được kiến nghị sử dụng để hỗ trợ các quá trình ra quyết định khác về thuốc tại Việt Nam, đặc biệt trong quá trình Mua sắm (đấu thầu) Dược phẩm Hết hạn Bảo hộ Bản quyền (OPP).
- iv. Tăng tốc độ xử lý thủ tục đăng ký OPP chất lượng cao và cải thiện hiệu quả quy trình giới thiệu sản phẩm và cấp duyệt giấy phép lưu hành sản phẩm nhằm bảo đảm các sản phẩm này được đưa vào thị trường kịp thời.

b. Phương án điều trị phù hợp với khả năng tài chính của bệnh nhân Việt Nam

- i. Chúng tôi đề xuất Chính phủ phải rà soát công tác phân loại sản phẩm, như thuốc biệt dược gốc hay thuốc generic, theo kinh nghiệm và dữ liệu được thu thập trong những năm gần đây. Quy trình này nên được sửa đổi để đảm bảo thực hiện được các mục tiêu kỳ vọng, trong khi vẫn không ngừng cải thiện công tác kiểm soát chi phí.
- ii. Bộ Y tế nên tạo điều kiện triển khai mô hình điều trị tại nhà (ngoại trú) thông qua các cơ chế hỗ trợ chi phí ưu đãi nhằm giảm số lượng bệnh nhân dồn về các bệnh viện, đặc biệt những bệnh nhân mắc bệnh mãn tính. Việc này sẽ làm hạn chế chi phí tự chi trả cho bệnh nhân.

c. Nguồn cung ứng bền vững đáp ứng nhu cầu trong nước

- i. Chúng tôi đề xuất Chính phủ có những chính sách và bảo đảm rõ ràng để hỗ trợ cho sự hiện diện và đầu tư dài hạn của nhà đầu tư nước ngoài tại thị trường Việt Nam, đảm bảo các nhà sản xuất đủ năng lực trong nước có thể đáp ứng 80% nhu cầu nội địa trong những năm tới.
- ii. Tiếp tục nâng cao quy trình phân loại thuốc trong đấu thầu tại Việt Nam để có thể cải thiện và mang lại lợi ích cho Chính phủ cũng như phục vụ mục tiêu kiểm soát ngân sách.
- iii. Các cơ quan chức năng liên quan cần tính toán khối lượng thực tế mà nhà cung cấp cần cam kết chặt chẽ trong việc cung cấp thuốc và cần thiết lập cơ chế cho phép bệnh viện sử dụng nhà cung cấp thay thế và đảm bảo bảo hiểm chi trả đúng giá trị trúng thầu trong trường hợp nguồn cung hạn chế hoặc không có.

Thuốc Biosimilar

d. Tăng khả năng tiếp cận của bệnh nhân với các liệu pháp tiên tiến

- i. Dựa trên kinh nghiệm của châu Âu, Chính phủ cần phải xem xét và tạo điều kiện cho việc giới thiệu các loại thuốc sinh phẩm tương tự (biosimilar) chất lượng cao để giảm chi phí y tế và cân bằng các kỳ vọng về chăm sóc sức khỏe.

3. Trang Thiết bị Y tế và Chẩn đoán

a. Quản lý trang thiết bị y tế tại Việt Nam

- i. Bổ sung nguồn nhân lực có trình độ và kinh nghiệm chuyên môn, đồng thời cải thiện hệ thống đăng ký lưu hành trực tuyến để thẩm định và phê duyệt kịp thời tất cả các hồ sơ đăng ký lưu hành được nộp trước ngày 31 tháng 12 năm 2019.
- ii. Ban hành các quy định về đăng ký thay đổi đã và đang trong quá trình cấp phép lưu hành.
- iii. Thực hiện cơ chế cấp phép đặc biệt cho phép tạm thời nhập khẩu các trang thiết bị y tế 'đã qua sử dụng' vào Việt Nam cho các mục đích cụ thể.

b. Xã hội hóa trang thiết bị y tế và lắp đặt máy móc trong bệnh viện

- i. Xem xét mô hình công - tư trong ngành y tế và cung cấp các mô hình xã hội hóa đa dạng và khả thi.

- ii. Ngay khi có thể, ban hành các văn bản chính thức về chính sách nhất quán từ các Bộ ngành liên quan về mô hình đặt máy trong các cơ sở y tế và bệnh viện, nhằm tạo ra một khung pháp lý công khai và minh bạch.
- iii. Phổ biến các tài liệu và tiến hành đào tạo cho các Bộ liên quan nhằm tăng cường hiểu biết về chính sách cũng như tuân thủ đầy đủ luật pháp.

c. Quy định về Thuế Giá trị Gia tăng áp dụng với trang thiết bị y tế nhập khẩu

- i. Đảm bảo tính nhất quán trong quản lý trang thiết bị y tế nhập khẩu giữa các Bộ và ngành liên quan.
- ii. Đảm bảo tính nhất quán trong áp dụng thuế suất VAT 5% đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu.
- iii. Ban hành các tài liệu hướng dẫn áp dụng thuế suất VAT cho trang thiết bị y tế nhập khẩu trong thời gian ngắn nhất.

4. Dược phẩm

a. Nâng cao khả năng tiếp cận nhanh chóng và bền vững của người bệnh đến dược phẩm phát minh thông qua việc triển khai hiệu quả các quy định pháp lý

- i. Một quy trình đăng ký thuốc tối ưu hóa, hài hòa giữa các quy định pháp luật của Việt Nam với các hướng dẫn quốc tế và thông lệ thực hành trong khu vực, cùng cơ chế rà soát thường xuyên danh mục thuốc thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm Y tế, sẽ giúp nâng cao khả năng tiếp cận của người bệnh Việt Nam tới các loại thuốc phát minh mới, đồng thời giảm thiểu gánh nặng hành chính.
- ii. Do hoạt động mua sắm công đóng vai trò lớn tại Việt Nam, và lượng thuốc biệt dược gốc chỉ chiếm 4% xét về lượng thuốc sử dụng tại các bệnh viện công, việc xác định cơ chế đàm phán giá cho các sản phẩm thuốc biệt dược gốc hết hạn bảo hộ và đã có thuốc generic nhóm 1 (hoặc từ các nước ICH) sẽ góp phần đảm bảo các loại thuốc này luôn sẵn có tại các bệnh viện, duy trì khả năng lựa chọn của bác sỹ và đảm bảo khả năng tiếp cận thuốc của người bệnh, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp đến với Việt Nam để đầu tư sản xuất trong nước và chuyển giao công nghệ.

PG cam kết hỗ trợ việc triển khai hiệu quả các thông tư mới trong năm 2019, bao gồm Thông tư quy định việc đăng ký thuốc, Thông tư ban hành danh mục thuốc chi trả bởi quỹ bảo hiểm Y tế, Thông tư quy định việc đấu thầu thuốc, và Thông tư quy định về việc đăng ký thuốc sản xuất gia công.

b. Vai trò và đóng góp của ngành dược phát minh đối với sự phát triển của một nền y tế đổi mới và năng động tại Việt Nam

- i. Ngoài sứ mệnh đưa các sản phẩm thuốc chất lượng cao đến với Việt Nam, ngành dược phát minh còn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển hệ thống và nền y tế hiện đại. Sự ủng hộ, hỗ trợ của Chính phủ, Bộ Y tế và các Bộ ngành liên quan sẽ tạo thuận lợi cho lộ trình chuyển đổi mô hình Văn phòng Đại diện hiện nay để thành lập Doanh nghiệp Nhập khẩu Dược có Vốn Đầu tư Nước ngoài (FIEs), sẽ đảm bảo việc công ty có thể tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ về an toàn, chất lượng và cảnh giác dược, đồng thời mở rộng đầu tư vào Việt Nam.
- ii. Ngoài một lộ trình chuyển đổi thuận lợi, đề xuất đưa vào khung pháp lý các yếu tố hỗ trợ và cơ chế chính sách ưu đãi liên quan đến khả năng tiếp cận thị trường, mua sắm công, v.v (như ưu đãi cụ thể cho sản xuất trong nước, chuyển giao công nghệ, đầu tư cơ sở vật chất và phát triển năng lực, thông tin giáo dục người bệnh, v.v). Điều này sẽ có tác dụng thu hút đầu tư dài hạn từ các công ty đa quốc gia, giúp gia tăng năng lực sản xuất và xuất khẩu dược phẩm của Việt Nam.
- iii. Cơ chế để triển khai và thực thi hiệu quả việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) và dữ liệu, theo cam kết trong Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA), sẽ tạo môi trường đầu tư với khả năng dự báo tốt hơn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, và góp phần giải quyết những vấn đề sức khỏe nghiêm trọng do thuốc giả gây ra.
- iv. Nhằm hỗ trợ Chính phủ có thêm thông tin, dữ liệu, phục vụ cho việc đưa ra các chính sách thu hút FDI, khuyến khích hợp tác giữa công ty dược trong và ngoài nước, cải thiện điều kiện kinh doanh và nâng cao

năng lực cạnh tranh của ngành dược phẩm Việt Nam, PG mong muốn được làm việc với các cơ quan ban ngành và các chuyên gia trong năm 2019 về nghiên cứu đo lường, đánh giá tác động và giá trị mà ngành dược phát minh có thể đem lại xét về chất lượng sức khỏe, đóng góp kinh tế và xã hội. Các dữ liệu này cũng sẽ đặt nền tảng cho việc xây dựng một lộ trình đưa Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất dược phẩm phát minh trong khu vực. Thêm vào đó, chúng tôi hoàn toàn ủng hộ việc thành lập tổ công tác liên ngành với nhằm xây dựng và triển khai chiến lược phát triển ngành dược và y tế tại Việt Nam

c. Hợp tác vì một hệ thống tài chính y tế bao phủ, tiến bộ, bền vững tại Việt Nam

- i. Xây dựng khung pháp lý (Thông tư hướng dẫn của Bộ Y tế) để áp dụng các mô hình Hợp tác Công Tư trong lĩnh vực Y tế mang tính sáng tạo (lĩnh vực dịch vụ) lồng ghép vào Chiến lược Tài chính Y tế Quốc gia.
- ii. Đưa vào dự thảo sửa đổi Luật Bảo hiểm Y tế tới đây một khuôn khổ để điều chỉnh và xác định vai trò của bảo hiểm y tế thương mại đối với Bảo hiểm Y tế Toàn dân thông qua các mục tiêu chính trị và tài chính trực tiếp và gián tiếp. Đồng thời, cần lựa chọn thí điểm các lĩnh vực bệnh lý và trị liệu cung cấp bảo hiểm y tế đồng chi trả và bảo hiểm y tế bổ sung nhằm tạo đồng thuận trong ngắn hạn

5. Thực phẩm Dinh dưỡng

a. Thuế tiêu thụ đặc biệt dự kiến áp dụng với đồ uống có đường

- i. Thay thế thuật ngữ ‘đồ uống có đường’ bằng thuật ngữ ‘nước giải khát có đường’. Điều này truyền tải rõ ràng mục đích sử dụng sản phẩm, giúp các cơ quan quản lý Nhà nước để dàng phân biệt nước giải khát với các sản phẩm có mục đích sử dụng khác, tạo điều kiện cho việc thực thi Luật và phù hợp với yêu cầu chỉ định mục đích sử dụng sản phẩm được quy định trong Nghị định 43/2017/NĐ-CP và phản ánh trung thực mục đích của SCT, là đánh thuế các loại nước giải khát chứa đường với mục đích giảm tiêu thụ các sản phẩm không tốt cho sức khỏe.
- ii. Đưa ‘sữa, các sản phẩm sữa và thực phẩm chức năng’ ra khỏi danh mục các mặt hàng chịu thuế TTĐB, vì các sản phẩm này đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu quốc gia cải thiện sức khỏe cộng đồng trong Nghị quyết 20-NQ/TW và Quyết định 1092/QĐ-TTg.

6. Ngành Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản

a. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm và trách nhiệm thông qua hệ thống nhận diện và theo dõi vật nuôi

- i. Phân bổ ngân sách để thiết lập hệ thống nhận diện và theo dõi cho phép truy xuất nguồn gốc, bắt đầu với sản phẩm mà Việt Nam có khả năng cạnh tranh và có tiềm năng xuất khẩu, chẳng hạn như thịt lợn.
- ii. Nhân rộng chương trình thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh trên cả nước, tăng cường nhận thức về tầm quan trọng của việc triển khai chương trình tại Thành phố Hồ Chí Minh để nâng cao danh tiếng các sản phẩm, vấn đề an toàn thực phẩm và xuất khẩu của Việt Nam, đồng thời khuyến khích mọi cấp chính quyền phê duyệt, hỗ trợ và triển khai hệ thống này.
- iii. Áp dụng phí đăng ký thường niên cho hệ thống này và phí đăng ký cho từng vật nuôi, hoặc tham khảo mô hình tài chính của Thành phố Hồ Chí Minh, soạn thảo các quy định nhằm ngăn chặn việc bán sản phẩm đang được kiểm tra và thử nghiệm, và xem xét thông lệ tốt trên thế giới về truy xuất nguồn gốc và áp dụng phương pháp này khi cần thiết để cải thiện tình hình ở Việt Nam.
- iv. Cải thiện an toàn thực phẩm thông qua việc khuyến khích sự tham gia của nhà sản xuất và đảm bảo nhà sản xuất cam kết cung cấp sản phẩm thực phẩm an toàn.

b. Quy trình đăng ký - lần đầu và gia hạn

- i. Thiết lập cơ chế một cửa cho các sản phẩm chuyên về dinh dưỡng vật nuôi, bất kể loại nào.
- ii. Làm rõ quy trình đăng ký – có thể sử dụng một nền tảng trực tuyến - đặc biệt khi sản phẩm được đăng ký và lưu hành tự do tại quốc gia xuất xứ.

- iii. Chuẩn bị kĩ càng cho việc thực thi các cam kết Về sinh An toàn Thực phẩm và Kiểm dịch Động Thực vật (SPS) theo EVFTA ngay khi có hiệu lực. Công nhận Liên minh châu Âu là một thực thể duy nhất và đưa ra một quy trình duy nhất và minh bạch cho tất cả các mặt hàng nông sản nhập khẩu từ liên minh châu Âu, không phân biệt quốc gia thành viên Liên minh châu Âu. Việc này có thể được thực hiện thông qua một thông tư hoặc quyết định cụ thể về hàng hóa nhập khẩu từ châu Âu.

c. Luật Phân bón

- i. Xem xét lại mức dung nạp K2O và không phân biệt mức K2O trong các sản phẩm nhằm hài hòa mức dung nạp K2O tối đa 90 phần trăm hoặc 93 phần trăm cho tất cả các loại NPK.
- ii. Thay vì thử nghiệm thực tế, tập trung vào kiểm tra/ phân tích vật lý và hóa học như một phần của quy trình đăng ký.

7. CropLife Vietnam

a. Khoa học thực vật:

Đảm bảo khả năng cạnh tranh của nông dân Việt Nam và đầu tư tương lai vào đổi mới nền nông nghiệp.

- i. Hỗ trợ xuất khẩu bằng cách tăng cường hợp tác với các đối tác thương mại, cung cấp thông tin và kiến thức về bảo vệ thực vật cho cơ quan quản lý địa phương và nông dân để đảm bảo nông sản giá trị cao đạt được những tiêu chuẩn chất lượng cao nhất, và đáp ứng các yêu cầu về giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu tối đa (MRL) để xuất khẩu.
- ii. Các công cụ bảo vệ thực vật được đánh giá thông qua một quá trình nhất quán, nghiêm ngặt về mặt khoa học, hài hòa với các phương pháp và tiêu chuẩn được quốc tế công nhận. Các đánh giá này cần được thực hiện bởi các chuyên gia khoa học và cần áp dụng một lộ trình phù hợp để có thể đánh giá toàn diện.
- iii. Nông dân Việt Nam cần được tạo điều kiện để tiếp cận các sản phẩm bảo vệ thực vật an toàn, được hỗ trợ bởi các chương trình tập huấn và đào tạo chất lượng cao. Điều này sẽ đảm bảo rằng nông dân có thể tiếp tục sản xuất lương thực an toàn, dinh dưỡng với giá thành hợp lý, phục vụ nhu cầu nội địa và xuất khẩu.
- iv. Đẩy mạnh hợp tác để phát triển các biện pháp phù hợp để xây dựng khung pháp lý có thể đoán định, dựa trên cơ sở khoa học cho kỹ thuật biến đổi gen. Điều này sẽ giúp Việt Nam đạt được mục tiêu phát triển và nâng cao thu nhập của nông dân.

8. Tăng trưởng Xanh

a. Quản lý nước và chất thải, kiểm soát chất lượng không khí và sản xuất năng lượng từ chất thải

- i. Lập ra bộ phận chuyên trách để thực hiện hiệu quả các tiêu chuẩn về xử lý nước hiện nay, và tập trung quản lý các khu công nghiệp xả thải chưa qua xử lý vào môi trường, đồng thời thực thi các biện pháp xử phạt nghiêm khắc người phạm tội để răn đe người khác.

b. Thúc đẩy đầu tư từ khu vực tư nhân vào các giải pháp xử lý nước và nước thải

- i. Chuyển sang mô hình tính giá theo nhu cầu đối với xử lý nước thải, phối hợp thực hiện các quy định về phí xử lý nước thải và bảo vệ môi trường để tránh tình trạng chổng chéo các quy định; và tạo điều kiện bền vững cho các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh nước.

c. Quản lý chất thải và tái chế chất thải điện tử

- i. Làm rõ các lý do thực sự của việc không tuân thủ các quy định môi trường hiện hành liên quan đến xử lý chất thải, thực hiện Quyết định 491/QĐ-TTg và các mục tiêu của Quyết định này bằng cách cung cấp môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp quản lý chất thải tuân thủ và cung cấp các hướng dẫn và mốc thời gian rõ ràng, có thể thực thi để phê duyệt các dự án sản xuất năng lượng từ chất thải (WTE) và việc thực hiện các dự án này nên được đẩy nhanh.

d. Kiểm soát chất lượng không khí

- i. Đưa ra các mục tiêu và quy định chính sách cụ thể về kiểm soát chất lượng không khí và khí thải, áp dụng thuế đối với các nhà máy điện than, nhà máy xi măng và các nguồn ô nhiễm chính dựa trên những ảnh hưởng về mặt kinh tế, xã hội và sức khỏe, và đẩy mạnh phát triển phương tiện công cộng.

e. Ô nhiễm môi trường bởi túi nhựa nylon

- i. Thực hiện các quyết định của Thủ tướng Chính phủ như ban hành, thực thi nghiêm khắc các hình phạt đối với các trường hợp vi phạm quy định xử lý nước và nước thải, đồng thời dần dần hạn chế các túi polythene không phân hủy cùng với việc cấm sử dụng hoàn toàn túi polythene không phân hủy sau từ hai đến năm năm.
- ii. Việc phân loại chất thải sinh hoạt ở cấp hộ gia đình phải cho phép xử lý hiệu quả về mặt chi phí chất thải sinh hoạt và sự tham gia của các nhà đầu tư tư nhân trong lĩnh vực này.
- iii. Bên cạnh túi nhựa sử dụng một lần, cần giảm việc sử dụng các sản phẩm nhựa không phân hủy sinh học khác, chẳng hạn như ống hút, cốc và hộp nhựa.

f. Xây dựng bền vững và hiệu quả sử dụng năng lượng

- i. Bộ Công Thương cần công bố Lộ trình Biểu thuế Điện Bán lẻ cho người tiêu dùng điện thương mại và công nghiệp, chỉ rõ khả năng lạm phát biểu giá điện đối với chủ sở hữu tòa nhà đến năm 2020 và 2025.
- ii. Việc áp dụng các tiêu chuẩn Công trình xanh (GB) nên được khuyến khích. Chúng tôi ủng hộ sáng kiến công nhận nhiều hệ thống khác nhau để sử dụng tại Việt Nam, để thị trường chọn lọc hệ thống nào thiết thực và hữu ích.
- iii. Tăng cường sử dụng các giải pháp gạch không nung (NFB) và xúc tiến việc thực hiện các giải pháp này thông qua Hiệp hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam (VABM), đồng thời các tòa nhà phải tiết kiệm năng lượng hơn.
- iv. Một chương trình giới thiệu quy hoạch đô thị rõ ràng cần được xây dựng, bao gồm không chỉ các công trình xanh mà còn các giải pháp cải thiện sinh kế nước, chất thải, giao thông và môi trường. Chương trình ưu đãi và chính sách cấp vĩ mô này có thể giúp Việt Nam hướng tới tầm nhìn về Thành phố thông minh.

9. Năng lượng và Điện lực**a. Thực thi Kế hoạch Sử dụng các nguồn Năng lượng tại Việt Nam**

- i. Chính phủ cần xây dựng và thực thi một chính sách năng lượng bền vững hơn để thu hút đầu tư mới, khuyến khích đầu tư tư nhân vào lĩnh vực sản xuất điện và áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng.

II. GIA TĂNG LỰA CHỌN CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**1. Rượu vang và Rượu mạnh****a. Chính sách về phòng chống tác hại lạm dụng đồ uống có cồn**

Chúng tôi nhận thấy phiên bản mới nhất của Dự thảo Luật đã có sự tiến bộ đáng kể với việc đề cập đến một số vấn đề quan trọng như bảo vệ sức khỏe cộng đồng và kiểm soát đồ uống có cồn bất hợp pháp và chất lượng thấp. Tuy nhiên, vẫn còn một số quan ngại về tên Luật, quy định cấm bán rượu trên mạng Internet; hạn chế quảng cáo, khuyến mãi và tài trợ bằng sản phẩm; nhãn cảnh báo sức khỏe; cũng như việc thực thi, tuyên truyền và giáo dục.

b. Thuế tiêu thụ đặc biệt

- i. Ngành rượu vang và rượu mạnh châu Âu đã phải chịu tác động đáng kể từ những đợt cải cách liên tiếp về Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), bao gồm việc tăng đáng kể thuế suất từ năm 2016. Điều này làm vô hiệu hóa hoàn toàn thành quả đàm phán của Hiệp định thương mại tự do trong việc xóa bỏ rào cản thuế quan. Ngoài ra, điều này có thể khiến các hoạt động bất hợp pháp xuyên biên giới và vấn đề hàng giả trở nên trầm trọng hơn vì lợi ích kinh tế mà chúng mang lại.

- ii. Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh mong muốn tăng tính minh bạch trong đánh giá của Bộ Tài chính về tác động của các cải cách chính sách thuế TTĐB từ năm 2016 trước khi có thêm bất kỳ đề xuất mới nào. Chúng tôi sẵn sàng hợp tác với Chính phủ và Bộ Tài chính để có một quá trình đối thoại tính cực và vạch ra một lộ trình bền vững, dựa trên cơ sở thực tế cho mức thuế áp dụng đối với các sản phẩm chứa cồn. Lộ trình này sẽ giúp giải quyết những quan ngại về sức khỏe của người dân vì tác hại của việc lạm dụng đồ uống có cồn, lộ trình này cũng bao gồm giải pháp để quản lý chính thức các loại rượu hiện tại chưa được kiểm soát.

c. Hạn chế thương mại điện tử

- i. Tại Việt Nam, kinh doanh rượu có độ cồn trên 15 độ bị cấm trên mạng Internet. Điều này đi ngược lại với xu hướng của cải cách công nghiệp lần thứ tư. Quy định cấm này khiến người tiêu dùng gặp phải rủi ro cao để mua phải các sản phẩm rượu giả, rượu không có nguồn gốc, xuất xứ, nhập lậu hoặc có chất lượng kém, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của họ.
- ii. Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh kiến nghị rằng thay vì một quy định cấm hoàn toàn, Chính phủ cần cân nhắc cho phép kinh doanh rượu trên mạng Internet với các điều kiện cụ thể. Chúng tôi sẵn sàng hợp tác với cơ quan quản lý Việt Nam để xây dựng và thực thi các công cụ hiệu quả để quản lý và giám sát các hoạt động bán hàng trực tuyến, ví dụ như có giấy phép kinh doanh rượu, thanh toán bằng thẻ tín dụng hoặc chuyển khoản ngân hàng, xác minh giấy tờ tùy thân, v.v.

d. Vấn đề về giá trị hải quan

- i. Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh mong muốn hợp tác và hỗ trợ Chính phủ áp dụng cùng một hướng quản lý thuế, tập trung vào bản chất hơn là hình thức trong quy trình xác định trị giá hải quan. Điều này đảm bảo tuân thủ các quy tắc của WTO, cải thiện tính minh bạch và cho phép các công ty đặt giá phù hợp cho thị trường có lợi cho người tiêu dùng và cuối cùng là tăng doanh thu nhập khẩu và hải quan.
- ii. Chúng tôi kiến nghị Chính phủ đánh giá tác động lâu dài của những hoạt động này đối với niềm tin vào môi trường kinh doanh. Ngoài ra, Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh cũng mong muốn có được sự minh bạch hơn từ Chính phủ để chia sẻ lý do và bằng chứng về cách thức ra quyết định với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng.

2. Ngành Công nghiệp Ô tô - Xe máy: Ngành Công nghiệp Ô tô

a. Thuế tiêu thụ đặc biệt

- i. Đối với các thương hiệu nhập khẩu ô tô con, mức trần để khấu trừ khi tính thuế TTĐB cần tăng từ 7% lên 15% để cho dù số lượng xe bán ra ít, các đại lý vẫn có đủ lợi nhuận để tuân thủ tiêu chuẩn của nhãn hiệu và đảm bảo hoạt động có lãi để tiếp tục hoạt động. Do định nghĩa về các bên có "mối quan hệ liên kết", quy định của hải quan về thuế tiêu thụ đặc biệt cần có cách tính thuế tiêu chuẩn mà không xét đến mối quan hệ sở hữu trong kênh phân phối và cần bãi bỏ khoản phạt do nộp chậm vì hướng dẫn không rõ ràng trong giai đoạn 2016-2018.

b. Thuế nhập khẩu đối với linh kiện xe lắp ráp CKD

- i. Thuế nhập khẩu đối với linh kiện xe lắp ráp nhập khẩu nguyên chiếc (CKD) nên được loại bỏ vô điều kiện, bất kể nhập khẩu từ đâu. Để phát triển ngành ô tô nói chung tại Việt Nam, việc thúc đẩy sản lượng là rất cần thiết. Việc đa dạng hóa các nhà cung cấp trên thị trường sẽ tạo điều kiện cho phát triển bền vững và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ ngày càng tăng cao.

c. Yêu cầu kiểm định điều kiện kinh doanh ô tô

- i. Bộ Giao thông vận tải cần xem xét sửa đổi quy trình kiểm định hiện tại đối với xe nhập khẩu nguyên chiếc. Nên cho phép thực hiện quy trình kiểm định xe nhập khẩu nguyên chiếc sau khi thông quan và có thể kiểm tra một xe cho tất cả các mẫu xe giống nhau trong các lô hàng khác nhau thay vì yêu cầu kiểm định theo từng lô như hiện tại.

d. Chứng nhận bộ phận an toàn của ô tô

- i. Theo Nghị định 116/2017/NĐ-CP, các nhà nhập khẩu và lắp ráp chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa, thu hồi kỹ thuật và bảo hành, tuy nhiên Thông tư 41/2018/TT-BGTVT (Thông tư 41) đã gây khó khăn trong việc thực hiện trách nhiệm đó. Vì vậy, Bộ Giao thông Vận tải cần xem xét sửa đổi phạm vi Thông tư 41 để hỗ trợ các doanh nghiệp cũng như ngành ô tô Việt Nam và khách hàng của mình.

e. Xác nhận đối với linh kiện xe lắp ráp trong nước (CKD)

- i. Giấy chứng nhận ECE nên được chấp nhận đối với phụ tùng. Điều này là để tránh phát sinh chi phí không cần thiết do kiểm định/kiểm toán hai lần.

f. Nhập khẩu phụ tùng tân trang

- i. Chính phủ nên cho phép nhập khẩu các phụ tùng tân trang với chính sách giống như chính sách cho hàng hóa như mới. Ngoài ra, cần có hệ thống ghi nhãn riêng đối với hàng hóa tân trang để ngăn chặn việc lừa đảo khách hàng.

g. Tiêu chuẩn đối với xe điện

- i. Định nghĩa và thuế suất thuế nhập khẩu tương ứng của Xe điện theo mã HS vẫn còn mơ hồ và cần được làm rõ, cần xác định một tiêu chuẩn quốc gia nhất quán về phích cắm sạc và quá trình kiểm định phải phù hợp với thông lệ quốc tế và giảm thời gian đưa sản phẩm ra thị trường.

h. Nhập khẩu/Xuất khẩu

- i. Cho phép chuyển tải cũng như tạm nhập tái xuất cho các công ty ô tô có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tại Việt Nam, xóa bỏ các rào cản thương mại mới đối với hoạt động chuyển khẩu hàng hóa là phương tiện giao thông, ví dụ như việc yêu cầu kiểm định các phương tiện giao thông được chuyển khẩu dù cảng đích của các mặt hàng này không phải là Việt Nam, và hướng dẫn cơ quan Hải quan cho phép áp dụng vận tải đa phương thức khi thực hiện hoạt động chuyển khẩu.

3. Ngành Công nghiệp Ô tô - Xe máy: Ngành Công nghiệp Xe máy**a. Xem xét lại việc cấm xe máy lưu thông tại các thành phố lớn vào năm 2030**

- i. Chính quyền địa phương nên xem xét thêm các giải pháp hiệu quả hơn nhằm giải quyết vấn đề ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường và tai nạn giao thông trong các thành phố lớn.
- ii. Thực hiện nghiên cứu, tham khảo và áp dụng thông lệ tốt nhất từ các quốc gia khác cho phép lưu thông xe máy như Đài Loan, nơi hệ thống giao thông công cộng và hạ tầng giao thông tiên tiến được sử dụng kết hợp hiệu quả với xe máy. Các thành phố phát triển tại châu Âu như Milan và Paris đã thành công áp dụng biện pháp khu vực hạn chế giao thông.
- iii. Chỉ cấm xe máy cũ, vốn là nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí, và cần nâng cao ý thức và chấp hành quy định và an toàn giao thông.

b. Quản lý nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu

- i. Chính phủ nên xem xét sửa đổi các quy tắc hải quan hiện hành để cho phép đơn giản hóa quy trình quản lý cần thiết cho các doanh nghiệp nhập khẩu cả E31 và A12. Tờ khai hải quan và cơ chế đối chiếu, khả thi để thực hiện trong bối cảnh sản xuất phức tạp, là cần thiết. Điều này rất quan trọng để khuyến khích xuất khẩu và phù hợp với chính sách gắn dây của Chính phủ về quản lý và cải cách thủ tục thuế.

c. Bảo vệ Quyền sở hữu trí tuệ (SHTT)

- i. Thành lập thêm nhiều trung tâm độc lập để thẩm định, xác định dấu hiệu vi phạm quyền sở hữu trí tuệ (quyền SHTT) trong các vụ việc tranh chấp liên quan đến quyền SHTT, và ủy quyền cho các cơ quan hữu quan khác liên quan đến SHTT (ví dụ như Cục SHTT) lên tiếng mạnh mẽ hơn về các vấn đề SHTT.



- ii. Cần triển khai cơ chế cho chủ SHTT phản biện các đánh giá của Viện khoa học SHTT Việt Nam, cần thiết lập các tòa án chuyên trách để xử lý các vấn đề về SHTT và cần tăng cường hợp tác giữa tổ chức thực thi bảo hộ quyền SHTT và cơ quan hữu quan.

III. KHUNG PHÁP LÝ

1. Quyền truy đòi tư pháp và trọng tài

a. Các tòa án Việt Nam

- i. Các thành viên EuroCham đang rất quan tâm đến quá trình công khai bản án hiện tại của các tòa án Việt Nam. Các thành viên của chúng tôi lưu ý việc ra mắt hai trang web được quản lý bởi Tòa án nhân dân tối cao⁹ và khuyến khích công bố các bản án của tất cả các cấp tòa án mà được trì hoãn thêm.
- ii. Luật sư cần được sửa đổi để cho phép luật sư Việt Nam có trình độ đầy đủ đại diện cho khách hàng trước tòa án Việt Nam, ngay cả khi luật sư đó đang làm việc cho một công ty luật nước ngoài. Điều này đã được ủng hộ trong các phiên bản trước của Sách trắng của chúng tôi.

b. Trọng tài tại Việt Nam

- i. Tòa án Nhân dân Tối cao và Chánh án có thể cung cấp ngày càng nhiều hướng dẫn tốt hơn cho các tòa án cấp thấp hơn để hạn chế các can thiệp của tòa án trong thủ tục tố tụng trọng tài.
- ii. Việc đưa ra quyền kháng cáo đối với các quyết định của tòa án sơ thẩm về thẩm quyền hoặc về hiệu lực của phán quyết trọng tài có thể góp phần làm cho việc giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài ở Việt Nam trở nên phổ biến hơn vì giá trị của chính nó.
- iii. Theo khuyến nghị chung, chúng tôi tin rằng việc học hỏi và trao đổi với nước ngoài có thể dẫn đến thực tiễn tốt nhất được tích hợp tại Việt Nam, đặc biệt là học hỏi từ các ví dụ thành công trong khu vực (ví dụ SIAC và HKIAC).

c. Công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài

- i. Để tiếp tục cải thiện việc công nhận và thi hành các phán quyết trọng tài thương mại và kinh doanh nước ngoài, chúng tôi khuyến nghị Việt Nam tuân theo thông lệ quốc tế tốt nhất về vấn đề này.
- ii. Các quy định thi hành của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cần quy định việc áp dụng nghiêm ngặt các điều khoản của Công ước New York (NYC) bao gồm xác nhận rằng trách nhiệm chứng minh thuộc về người mắc nợ nếu tuyên bố rằng có sự phản đối hợp lệ đối với việc thi hành án; rằng chủ nợ chỉ cần cung cấp cho tòa án phán quyết hợp lệ và thỏa thuận trọng tài hợp lệ để hỗ trợ cho đơn của mình; Tòa án Việt Nam chỉ có thể từ chối đơn với lý do phù hợp với NYC và Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và tòa án Việt Nam bị nghiêm cấm mở lại phần thưởng công trạng của vụ án.
- iii. Giới thiệu tự động đến Tòa phúc thẩm có liên quan trong tất cả các trường hợp đơn bị Tòa sơ thẩm bác bỏ để khuyến khích công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.
- iv. Các hội thảo và các khóa đào tạo có thể được Tòa án Nhân dân Tối cao tổ chức cho tất cả các thẩm phán của Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa phúc thẩm để đảm bảo các thẩm phán được đào tạo đúng cách để giải quyết các đơn xin công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài theo luật pháp Việt Nam và NYC.

2. Hòa giải

a. Hiệp ước của Singapore

- i. Sự tham gia của Việt Nam vào Hiệp ước của Singapore sẽ củng cố tầm vóc của đất nước trong cộng đồng quốc tế. Hơn nữa, vì Nghị định 22/2017/NĐ-CP hiện tại không công nhận việc áp dụng hòa giải để giải quyết tranh chấp của nước ngoài, việc tham gia vào Hiệp ước sau đó sẽ trở thành một lựa chọn khả thi cho các nhà đầu tư và thương nhân nước ngoài khi các tòa án Việt Nam công nhận việc áp dụng hòa giải để giải quyết tranh chấp từ các thủ tục tố tụng ở nước ngoài.

b. Hòa giải tại Tòa

- i. Cần thiết lập Bộ Quy tắc ứng xử cho các hòa giải viên tại Việt Nam phù hợp với Bộ Quy tắc ứng xử châu Âu dành cho Hòa giải viên, Bộ Quy tắc ứng xử của Phòng Thương mại Quốc tế (ICC), vì điều đó sẽ khen ngợi cơ chế giải quyết tranh chấp trong Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA).

c. Điều khoản hòa giải trong các hợp đồng thương mại

- i. Cần triển khai các chính sách đã thiết lập cho các cá nhân liên quan để đưa ra các biện pháp cụ thể để tiến hành hòa giải và thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao nhận thức về hòa giải trong cộng đồng kinh doanh và học thuật như là một lựa chọn khả thi để giải quyết tranh chấp.

3. Mua bán và Sáp nhập Doanh nghiệp**a. Tiếp cận thị trường và quy trình cấp phép**

- i. Cần tiếp tục giảm số lượng các lĩnh vực kinh doanh ‘có điều kiện’.
- ii. Cần loại bỏ yêu cầu đối với các nhà đầu tư nước ngoài về việc xây dựng và phê duyệt các dự án đầu tư đã đăng ký để thành lập công ty con hoặc công ty liên doanh tại Việt Nam (do đó không cần Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).
- iii. Cần loại bỏ yêu cầu đối với các nhà đầu tư nước ngoài về việc phải có được sự ‘Phê duyệt giao dịch mua bán và sáp nhập (M&A)’ trước khi thực hiện bất kỳ giao dịch M&A tư nhân nào.

b. Thanh toán giá mua trong các giao dịch M&A

- i. Chính phủ cần giảm mức độ tùy ý của các cơ quan cấp phép địa phương liên quan đến việc rà soát và xem lại các điều khoản thương mại của giao dịch M&A, cải thiện tính rõ ràng và nhất quán của các thủ tục áp dụng cho giao dịch M&A và xóa bỏ sự khác biệt giữa các giao dịch “đầu tư trực tiếp” và “đầu tư gián tiếp” và các tài khoản ngân hàng có mục đích đặc biệt tương ứng.
- ii. Chính phủ cũng cần phải tự do hóa luật kiểm soát ngoại hối của Việt Nam, để tạo điều kiện cho việc đưa đồng ngoại tệ vào và ra khỏi Việt Nam dễ dàng và hiệu quả hơn, kể cả trong bối cảnh của các giao dịch M&A; sửa đổi thời hạn nộp tờ khai thuế cũng như nộp thuế cho các giao dịch M&A; và đảm bảo xử lý nhanh hơn và suôn sẻ hơn các thủ tục thông quan thuế cần thiết để thực hiện các giao dịch M&A và chuyển giá mua.

c. Những hạn chế liên quan đến Chống độc quyền

- i. Quy định thi hành Luật Cạnh tranh mới cần hướng dẫn rõ ràng hơn và cụ thể hơn về việc ‘sự tập trung kinh tế có xảy ra hay không, cách tính toán ‘thị phần’ và xác định ‘thị trường liên quan’ dựa trên cơ sở Luật Cạnh tranh mới. Hơn nữa, cần đơn giản hóa quy trình xem xét do Ủy Ban Cạnh tranh Quốc gia áp dụng, nhằm tránh những chậm trễ không cần thiết trong việc hoàn thành các giao dịch M&A một cách đúng hạn và theo trình tự.

4. Đối tác Công-Tư (PPP)**a. Xây dựng danh mục dự án khả thi**

- i. Cập nhật Quyết định 631/QĐ-TTg với danh mục mới gồm các dự án trọng điểm quốc gia và khu vực, đặc biệt là trong lĩnh vực có thành tích tốt ở các khu vực pháp lý khác với các mô hình phổ biến và được các nhà đầu tư nước ngoài ưa chuộng như vận tải, ưu tiên các dự án có tính khả thi về kinh tế như các dự án dự kiến được thực hiện dưới hình thức PPP.
- ii. Làm rõ quy trình đấu thầu cho các dự án không nằm trong đề xuất và quá trình chuyển đổi các dự án do Nhà nước cấp vốn sang các dự án theo hình thức PPP và bố trí các dự án được lựa chọn theo một quy trình đấu thầu minh bạch, cạnh tranh và/hoặc cho phép các dự án được phát triển bởi các nhà tài trợ hàng đầu thế

gợi trên cơ sở các đề xuất tự nguyện/chỉ định thầu trực tiếp để thí điểm trong các lĩnh vực có mức độ ưu tiên cao nhằm xây dựng được tiêu chuẩn cơ bản về lưu trữ hồ sơ và phân bổ rủi ro trên thị trường quốc tế.

- iii. Triển khai Quỹ Phát triển Dự án và áp dụng quy trình đánh giá nghiêm ngặt (với sự hỗ trợ của các tư vấn kỹ thuật và tài chính quốc tế) các dự án tiềm năng thông qua các quy trình chọn lựa thống nhất với các tiêu chuẩn quốc tế; và đưa ra các khuyến khích và biện pháp hấp dẫn để các ngành nỗ lực thu hút đầu tư PPP.

b. Nâng cao năng lực và phối hợp giữa các cơ quan chính phủ

- i. Tiếp tục thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo và xây dựng năng lực có chất lượng cho các cơ quan chính phủ liên quan, đặc biệt là cán bộ cấp tỉnh. Việc cập nhật các quy định pháp luật, bao gồm dự thảo Luật PPP, cần được xây dựng với sự tham khảo ý kiến của các cơ quan chính quyền (cũng như các bên thứ ba liên quan). Chính phủ cần tổ chức các hội thảo nâng cao năng lực tập trung vào các quy định pháp luật mới tại thời điểm thích hợp để đảm bảo các quy định mới này được thi hành nhất quán bởi các cơ quan nhà nước.
- ii. Tiếp tục xây dựng các quy định thi hành cũng như hướng dẫn dự án nhằm hỗ trợ các cơ quan nhà nước được ủy quyền trong việc thực hiện các dự án và xây dựng (với sự hỗ trợ của các tổ chức tư vấn quốc tế có kinh nghiệm tại các thị trường khác) các bộ hồ sơ thầu đã được phê chuẩn, bao gồm hợp đồng dự án có các mô hình phân bổ rủi ro được quốc tế công nhận làm cơ sở đầu thầu để giảm thiểu nguy cơ chậm triển khai dự án.
- iii. Xây dựng các dự án khả thi phù hợp với thông lệ quốc tế để giới thiệu các kinh nghiệm thực tiễn tới các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, và yêu cầu thiết lập một quy trình triển khai thực hiện có sự tham gia của tất cả các Bộ và cơ quan chủ chốt để xây dựng thực hành thống nhất về phát triển dự án, tận dụng nguồn nhân lực có kinh nghiệm về các vấn đề tài chính trong ngành điện lực.

c. Hợp lý hóa các quy định thực hiện chi tiết

- i. Tiếp tục làm tinh gọn các chính sách và hướng dẫn liên quan đến các dự án PPP nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài tìm kiếm cơ hội đầu tư vào Việt Nam. Việt Nam cần tập trung vào các yếu tố chủ yếu như khả năng cung ứng và giải ngân VGF và đảm bảo doanh thu tối thiểu.
- ii. Thử nghiệm các quy định này trên các dự án thực tế để các nhà đầu tư thấy tự tin với cách diễn giải các quy định trong bối cảnh phát triển một dự án PPP, và tận dụng để phát triển quy định luật pháp đằng sau Dự thảo Nghị định về PPP để làm rõ và hoàn tất các quy định hiện hành theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm gia tăng sự hấp dẫn của các dự án PPP Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài.
- iii. Công bố trên trang web của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (BKHDĐT) đầy đủ nội dung của Dự thảo Luật PPP để công chúng cho ý kiến.

5. Bất động sản

a. Quyền của Ban Quản lý Nhà Chung cư (BQLNCC) trong việc tham gia tố tụng

- i. Cơ quan có thẩm quyền làm cần làm rõ liệu Điều 104.1(l) của Luật Nhà ở quy định quyền của BQLNCC trong việc thực hiện các công việc khác do hội nghị nhà chung cư giao theo quy định của pháp luật, bao gồm quyền tham gia tố tụng thay mặt chủ sở hữu căn hộ, khi BQLNCC được các chủ sở hữu ủy quyền tham gia. Quyền hợp pháp của BQLNCC trong việc tham gia tố tụng thay mặt ca các chủ sở hữu căn hộ cần được quy định trong Luật Nhà ở và các văn bản pháp luật liên quan.

b. “Căn hộ Khách sạn”, “Nhà ở Khách sạn”, và “Văn phòng Khách sạn”

- i. Cần ban hành quy định pháp luật với các tiêu chuẩn và hướng dẫn cụ thể về “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn”; quy định rõ thời hạn sử dụng đất; sửa đổi quy định pháp luật về phân loại và cơ chế sử dụng đất cho căn hộ có mục đích hỗn hợp; và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho “căn hộ khách sạn”, “nhà ở khách sạn” và “văn phòng khách sạn”.

c. Bảo vệ người mua nhà của dự án nhà ở trong trường hợp chủ đầu tư dự án bất động sản mất khả năng thanh toán hoặc phá sản

- i. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần ban hành quy định pháp luật cùng với các tiêu chuẩn và hướng dẫn cụ thể về năng lực tài chính của các chủ đầu tư dự án bất động sản, và quy định mức phạt đối với chủ đầu tư dự án bất động sản không ký hợp đồng bảo lãnh ngân hàng với ngân hàng thương mại có năng lực.

d. Quy định mới nhằm thúc đẩy sự phát triển của thị trường bất động sản

- i. Bộ Xây dựng cần thúc đẩy sự phát triển của nhà ở xã hội tại các đô thị và nhà ở cho công nhân các khu công nghiệp nhằm khuyến khích sự phát triển nhà cho thuê và nhà ở thương mại giá rẻ ở các thành phố lớn và các khu công nghiệp.
- ii. Khung pháp lý cho thị trường mua bán nợ cần phải được cải thiện. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế xử phạt nghiêm ngặt và mạnh mẽ để đảm bảo thị trường mua bán nợ hoạt động công bằng và minh bạch. Bên cạnh đó, cần có những ưu đãi thuế và thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi và điều kiện hấp dẫn cho thị trường mua bán nợ.
- iii. Cần tạo khung pháp lý thuận lợi cho các tổ chức tài chính và kinh tế trong và ngoài nước, đặc biệt là các tổ chức tài chính nước ngoài, cho phép các tổ chức nước ngoài tham gia vào các hoạt động mua bán nợ và tham gia vào quá trình xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam. Chính phủ cũng nên xem xét cho phép các nhà đầu tư/ người nước ngoài có hồ sơ tốt sở hữu nhà và đất.

IV. NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA VIỆT NAM

1. Thuế và chuyển giá

a. Chính sách chuyển tiếp ưu đãi thuế cho các dự án sản xuất các sản phẩm công nghiệp phụ trợ ưu tiên được thực hiện trước ngày 1 tháng 1 năm 2015

- i. Chính phủ Việt Nam cần xem xét đưa ra hướng dẫn cho các Bộ và cơ quan liên quan để có kết luận phù hợp, kịp thời và phù hợp về việc áp dụng chính sách chuyển tiếp ưu đãi cho các dự án sản xuất các sản phẩm công nghiệp phụ trợ ưu tiên được thực hiện trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, được đưa ra theo Luật 71/2014/QH13 sửa đổi các Luật về thuế.

b. Chuyển giá

- i. Cơ quan thuế nên áp dụng một cách tiếp cận hướng tới tương lai hơn. Nghị định 20/2017/NĐ-CP hiện nay phù hợp với các quy định về chuyển giá được quốc tế chấp nhận và việc quản lý luật cũng cần dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế. Hướng dẫn Thực hành về Chuyển giá của Liên Hợp Quốc (UN) và Hướng dẫn về Chuyển giá của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đều thận trọng đối với việc sử dụng các đối tượng tương đương bí mật cho mục đích so sánh chuyển giá.
- ii. Cơ quan thuế cần xem xét thích đáng đối với phân tích được thực hiện bởi người nộp thuế. Các thách thức phải dựa trên giá trị và đặc trưng của các so sánh người nộp thuế và lý do đầy đủ phải được đưa ra để từ chối các công ty tương đương của họ. Nếu các công ty tương đương bị từ chối, nhà chức trách cần đề xuất một tập hợp tốt hơn dựa trên cùng một cơ sở dữ liệu hoặc cơ sở dữ liệu công cộng khác, thay vì sử dụng dữ liệu mà người nộp thuế không thể truy cập được.
- iii. Đối với các hạn chế về khấu trừ chi phí lãi, giới hạn lãi chỉ nên áp dụng cho các khoản nợ của bên không liên quan, trừ khi một bên liên quan cung cấp bảo lãnh cho bên cho vay hoặc gửi một số tiền tương đương với bên cho vay. Khoản khấu trừ lãi bị từ chối sẽ có thể được kết chuyển cho các năm tiếp theo.

c. Áp dụng các hiệp định tránh thuế hai lần

- i. Cần sửa đổi Thông tư 205/2016/TT- BTC nhằm đưa ra hướng dẫn hiệu quả hơn cho người nộp thuế trong quá trình áp dụng các hiệp ước thuế. Ngoài ra, cần đưa các dẫn chiếu đến các thông lệ quốc tế/Chú thích của OECD như nguồn giải thích chính thức và hiệu quả cho người nộp thuế.



d. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp – không tuân thủ các quy định khác ngoài quy định thuế dẫn đến chi phí không được khấu trừ

- i. Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế, trong lần xem xét quy định thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tiếp theo, cần nêu rõ các loại chi phí sẽ được coi là chi phí không được khấu trừ trong trường hợp không đáp ứng các yêu cầu tuân thủ liên quan đến các quy định khác ngoài quy định thuế. Ngoài ra, tất cả các chi phí đáp ứng các điều kiện cơ bản để khấu trừ không nên được xử lý theo cách khác. Hơn nữa, cơ quan thuế cần lưu ý rằng trừ khi các quy định về thuế chi phối cụ thể, bất kỳ hành vi không tuân thủ các quy định ngoài quy định thuế chỉ làm phát sinh tiền phạt hành chính không phải là một lý do để từ chối khấu trừ một khoản chi phí.

2. Công nghệ thông tin và Truyền thông

a. Giáo dục và đào tạo

- i. Chính phủ nên hợp tác với các trường đại học danh tiếng ở nước ngoài, tham khảo các cách làm tốt nhất nhằm xây dựng một chương trình học phù hợp theo tiêu chuẩn quốc tế; Các Bộ liên quan nên yêu cầu sinh viên các trường đại học công nghệ thông tin (CNTT) và các trường dạy nghề CNTT phải hoàn thành một khóa thực tập thực tế; và các trường đại học cần phối hợp chặt chẽ với ngành CNTT để nắm bắt được các xu hướng công nghệ và nhu cầu thực tế về công việc trong ngành đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp.
- ii. Một khóa thực tập bắt buộc dài hơn so với bình thường tại các công ty CNTT sẽ tạo điều kiện cho các sinh viên có được những kinh nghiệm đầu tiên đầy đủ, thực tế và vận dụng được các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm của mình trong môi trường quốc tế. Đồng thời, các công ty CNTT sẽ có cơ hội phát hiện và tuyển dụng được nhân tài vào các vị trí công việc trong tương lai, do đó, có thể giảm thiểu chi phí chung phát sinh từ việc đào tạo lao động mới.
- iii. Đào tạo CNTT cần phải đáp ứng nhu cầu thực tế của ngành. Hơn nữa, sinh viên cần hiểu biết, lựa chọn và theo học một hoặc nhiều chuyên ngành CNTT từ năm thứ 2 trở đi và được đào tạo bài bản hơn về kỹ năng mềm cũng như rèn luyện tư duy hướng đến kết quả khi làm việc để có thể mang lại giá trị thực tế và kiến thức kỹ thuật khi làm việc cho các doanh nghiệp. Chính phủ cũng cần tạo điều kiện hỗ trợ cho các tổ chức và công ty chuyên đào tạo CNTT sau đại học, vì hiện tại hầu hết các trung tâm đào tạo chuyên sâu về CNTT đều có mức chi phí cao vì được vận hành bởi các công ty, tổ chức nước ngoài.

b. Chi phí Internet và băng thông Internet quốc tế

- i. Các nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) và các đơn vị khai thác khác cần được phép thiết lập biểu giá riêng; cần tạo ra sự cạnh tranh trong việc cung cấp dịch vụ; và giá cước viễn thông và Internet cần định chuẩn so với mức trung bình của quốc gia và khu vực.
- ii. Cần nỗ lực hướng tới việc phát triển thêm nội dung các sản phẩm công nghệ bản địa, đặc biệt là nội dung bằng tiếng Việt và cần có chính sách chặt chẽ hơn để yêu cầu ISP chấp nhận bồi thường cho các sự cố Internet gây ảnh hưởng đến các hoạt động của Doanh nghiệp trong Thỏa thuận Cấp độ Dịch vụ (SLA) giữa hai bên.

c. An ninh mạng

- i. Một số quy định của Luật An ninh Mạng vẫn chưa được diễn đạt chính xác và rõ ràng khiến nhiều vấn đề chính vẫn chưa được giải đáp, và do đó, nhiều câu hỏi chính vẫn chưa được trả lời. Chúng tôi mong nhận được nhiều hướng dẫn hơn từ Chính phủ và Bộ Công an về vấn đề này.
- ii. Dữ liệu phải được xử lý công bằng cho các mục đích cụ thể và phải được sự đồng ý của người liên quan hoặc các căn cứ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Điều quan trọng là Việt Nam chấp nhận và phản ánh tinh thần đó vào việc áp dụng GDPR của riêng mình.
- iii. Luật An ninh Mạng cũng mang lại cơ hội hợp tác cho các tổ chức công và tư mà không làm giảm thiểu quyền tiếp cận thông tin, kiến thức hoặc sự tự do truy cập mà Internet mang lại. Chúng tôi kiến nghị Chính phủ hợp tác với các chuyên gia trong ngành để đưa ra các quy định tiêu chuẩn về năng lực an ninh mạng, cân bằng cả nhu cầu kinh doanh và an ninh quốc gia. Ngoài ra, cũng ban hành một điều luật về quyền riêng tư để bảo vệ thông tin cá nhân của người dùng được lưu trữ, xử lý trên thiết bị và hệ thống.

- iv. Chúng tôi mong muốn việc thực thi Luật An ninh mạng sẽ phù hợp với tinh thần và các cam kết chung của Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) nhằm đảm bảo sự ổn định của nền kinh tế quốc gia và thương mại song phương.

d. Phát triển Nền công nghiệp 4.0

- i. Chính phủ cần đẩy nhanh quá trình số hóa nền kinh tế Việt Nam và tiếp tục áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong sản xuất cũng như trong các ngành công nghiệp khác.
- ii. Chính phủ và các trường đại học nên hợp tác cùng nhau để gia tăng các kỹ năng số của lực lượng lao động, đặc biệt tập trung vào giáo dục và đào tạo để trang bị cho sinh viên các công việc công nghệ cao trong tương lai.
- iii. Để bắt đầu thích ứng với Công nghiệp 4.0, Chính phủ có thể hợp tác với các ngành để bắt đầu triển khai các giải pháp có thể mở rộng như quản lý vận hành, bảo trì tiên đoán, tối ưu hóa hàng tồn kho, tiết kiệm năng lượng và truy xuất nguồn gốc.
- iv. Chính phủ cũng nên tiếp tục triển khai các sáng kiến tích cực như Chính phủ điện tử, kinh tế số và xã hội số, hợp lý hóa và hiện đại hóa các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và người dân.

3. Vận tải và Hậu cần

a. Cơ sở hạ tầng

- i. Cần ưu tiên đồng đều đến việc di chuyển hiệu quả của cả hành khách và hàng hóa vận chuyển. Chính phủ cần tiến hành nghiên cứu chuyên sâu về sự kết nối giữa các phương thức vận tải khác nhau giữa các hệ thống cơ sở hạ tầng.
- ii. Vai trò giám sát của Chính phủ được nhấn mạnh để không chỉ đảm bảo phân bổ nguồn lực hiệu quả mà còn đảm bảo an toàn và tính bền vững của các công trình này.
- iii. Việc triển khai các giải pháp công nghệ cao về cơ sở hạ tầng giao thông, điển hình là Cổng Thông tin một cửa Quốc Gia và Cơ chế một cửa ASEAN, cần được đồng bộ hóa tại tất cả các Bộ tham gia để đảm bảo các giải pháp tối ưu nhằm giảm chi phí hậu cần. Chúng tôi đề xuất một thời hạn rõ ràng, tốt nhất là vào cuối năm 2019, cho tất cả các Bộ liên quan để hoàn thành việc đồng nhất các thủ tục của họ với hệ thống chung.
- iv. Chính phủ Việt Nam cần xem xét áp dụng các công nghệ mới như Blockchain, e-DO (đơn giao hàng điện tử) cho các lô hàng lẻ (LCL), Cổng điện tử, phí điện tử, v.v. để đơn giản hóa các thủ tục xuất, nhập khẩu và vận tải và hỗ trợ kinh doanh.

b. Trị giá tính thuế Hải quan

- i. Cần tăng cường tập trung vào việc cải thiện chất lượng và tính nhất quán của quy trình tham vấn giá. Cụ thể, Cơ quan hải quan cần ban hành thêm quy định; Hải quan Cửa khẩu cần thường xuyên tham gia các đợt đào tạo nâng cao năng lực; và Chính phủ cần đưa ra kế hoạch thiết thực hơn để hỗ trợ các doanh nghiệp.
- ii. Cơ quan Hải quan, trong quá trình đánh giá để chấp nhận Trị giá Giao dịch, cần có hướng dẫn chính thức về cách thức mà Hải quan sẽ xem xét sử dụng các thông tin trong các tài liệu và chính sách chuyển giá của doanh nghiệp, và thủ tục tham vấn giá phải được mở rộng bao gồm cả hàng nhập khẩu phi thương mại.

c. Phân loại mã HS

- i. Hải quan Việt Nam công bố trên trang thông tin chính thức của mình (bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh) tất cả các tài liệu phân loại hợp pháp (được ban hành trong vòng 5 năm gần nhất) - tối thiểu phải bao gồm các tài liệu đã được liệt kê và cam kết công bố tại Điều 6, Thông tư 14/2015/TT-BTC.
- ii. Cơ sở dữ liệu các công văn hướng dẫn phân loại đã ban hành nên được tích hợp một công cụ tìm kiếm hiệu quả để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tra cứu thông tin; cho đến khi các nguồn tài liệu hợp pháp cam kết theo Điều 6 của Thông tư 14 được công bố và các doanh nghiệp có thể truy cập dữ liệu, Hải quan sẽ không áp dụng hồi tố thuế, lãi trả chậm và tiền phạt khi có sự thay đổi quan điểm phân loại;

- iii. Liên quan đến việc xác minh Giấy chứng nhận xuất xứ theo Điều 15.6, Thông tư 38/2018/TT-BTC, TCHQ cần ban hành hướng dẫn cụ thể về sự khác biệt mã HS. Cần nêu rõ những sự khác biệt này không phải là cơ sở để Hải quan từ chối Giấy chứng nhận xuất xứ (bất kể ở cấp độ chữ số nào), trừ khi có bằng chứng rõ ràng thể hiện hàng hóa trên giấy chứng nhận và hàng hóa xuất trình khi nhập khẩu là hoàn toàn khác nhau.
- iv. Trường hợp Hải quan thay đổi ý kiến về mã HS áp dụng cho sản phẩm, Hải quan phải cung cấp cho người khai quyết định bằng văn bản có nêu rõ lý do/căn cứ thay đổi ý kiến.

d. Sản xuất/gia công xuất khẩu tại chỗ

- i. Chúng tôi hi vọng Nghị định mới sửa đổi Nghị định 134/2016/NĐ-CP với đề xuất trên sẽ sớm được ban hành. EuroCham cũng kiến nghị thêm rằng Nghị định mới được ban hành cần kèm theo một hướng dẫn rõ ràng từ Bộ Tài chính (BTC) và Tổng cục Hải quan (TCHQ) nêu rõ cách hiểu khái niệm “xuất khẩu” bao gồm cả xuất khẩu tại chỗ sẽ được áp dụng cho tất cả hàng hóa xuất khẩu được thực hiện theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ kể từ tháng 9 năm 2016.

e. Minh bạch các thủ tục hải quan

- i. Mỗi Cục hải quan Tỉnh nên có Đường dây nóng ẩn danh riêng (tách biệt với đường dây nóng của TCHQ) để doanh nghiệp có thể phản ánh các vấn đề quan tâm. Điều này cũng giúp giảm tải cho TCHQ và tạo điều kiện để các vấn đề có thể được giải quyết ở cấp địa phương trước trong thời gian ngắn hơn.
- ii. TCHQ có thể xuất bản một Báo cáo Hàng Năm về các trường hợp ghi nhận qua đường dây nóng và kết quả liên quan (ẩn danh). Việc này sẽ nâng cao nhận thức và mang lại niềm tin cho các doanh nghiệp về các hành động đang được các cơ quan ban ngành thực hiện.
- iii. Hệ thống tờ khai hải quan điện tử cần được sửa đổi để tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên lạc bằng văn bản giữa tất cả các cấp của cơ quan hải quan và cộng đồng doanh nghiệp, qua đó sẽ giảm thiểu các kênh liên lạc không chính thức và hạn chế các khoản thanh toán không minh bạch.

4. Nhân sự và đào tạo

a. Mở rộng quyền chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động với người lao động

- i. Các nhà lập pháp cần nghiêm túc xem xét sửa đổi các quy định lao động để cung cấp thêm quyền hạn cho người sử dụng lao động trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng với người lao động.

b. Quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

- i. Định nghĩa lại “thuyên chuyển nội bộ công ty” bao gồm những người nước ngoài được chỉ định từ các công ty tập đoàn làm việc tại nước sở tại để tránh đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) hai lần; không áp dụng chế độ lương hưu và chế độ trợ cấp cho người lao động nước ngoài hoặc chỉ áp dụng trên cơ sở tùy chọn; và tạo sự linh hoạt cho người lao động nước ngoài nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần khi hồi hương từ Việt Nam bằng cách ủy quyền cho người sử dụng lao động thực hiện thủ tục thay mặt người nước ngoài.
- ii. Quy định tỷ lệ đóng góp BHXH thấp hơn cho người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài có tham khảo các quốc gia trong khu vực ASEAN hoặc Châu Á Thái Bình Dương; đánh giá tác động của thủ tục hành chính khi áp dụng từng chế độ để tạo thuận lợi cho việc thực hiện của các cơ quan thực thi, người lao động nước ngoài và người sử dụng lao động; và trợ cấp một lần được tính từ ngày nộp đơn thay vì kể từ ngày ban hành quyết định của cơ quan bảo hiểm.
- iii. Đối với giấy phép lao động, bổ sung định nghĩa “người nhận chuyển nhượng trong nội bộ doanh nghiệp từ trụ sở chính sang công ty con” bằng “người nhận chuyển nhượng trong nội bộ doanh nghiệp trong công ty thuộc tập đoàn”, miễn là văn phòng tại Việt Nam có thể chứng minh rằng nhân viên nước ngoài được phân công từ các công ty con trong cùng tập đoàn.
- iv. Triển khai dịch vụ theo dõi nhanh trong đó một số tài liệu cần thiết có thể được bổ sung trong thời gian xác định, đảm bảo hệ thống trực tuyến về xin giấy phép lao động hoạt động thông suốt và có nhân viên có kinh nghiệm xử lý đơn xin giấy phép lao động để tránh bất kỳ sự chậm trễ nào trong việc xử lý và cấp

giấy phép lao động trực tuyến, hướng dẫn chi tiết về quy trình thu hồi giấy phép lao động của người sử dụng lao động sau khi người lao động nước ngoài kết thúc nhiệm vụ tại Việt Nam.

c. Thực hành đào tạo và giáo dục nghề và kỹ thuật tại Việt Nam

- i. Chúng tôi kiến nghị Chính phủ xem xét giảm bớt áp lực đối với các tổ chức giáo dục quốc tế bằng cách thực hiện miễn đóng góp bảo hiểm xã hội cho các giáo viên nước ngoài. Ngoài ra, Chính phủ cũng nên xem xét đưa ra các ưu đãi để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đến những khu vực này, và hợp tác với các tổ chức tư nhân quốc tế cung cấp đào tạo giáo viên tiêu chuẩn quốc tế và phát triển chuyên môn để nâng cao năng lực của giáo viên trong nước.
- ii. Chính phủ nên xem xét khuyến khích môi trường học tập liên tục bằng cách hỗ trợ các chương trình thực tập và cố vấn hợp tác với khu vực tư nhân thông qua nền tảng trực tuyến cung cấp cho sinh viên mới tốt nghiệp hoặc người lao động công cụ để hướng nghiệp, cơ hội và thông tin trong lĩnh vực đào tạo liên tục, thực tập và cố vấn.
- iii. Việc tận dụng chuyên môn và kinh nghiệm của khu vực tư nhân là điều nên làm. Đặc biệt, cần hợp tác với các đại diện của ngành cũng như các tổ chức giáo dục tư nhân đang hoạt động tại Việt Nam để phát triển các chương trình đào tạo và các khóa đào tạo thúc đẩy học tập suốt đời cũng như tập trung vào phát triển các kỹ năng như kiến thức tin học và mã hóa, kiến thức cơ bản về khoa học và công nghệ, kỹ năng kinh doanh cơ bản và tinh thần kinh doanh.

5. Du lịch và khách sạn

a. Chính sách nhập cảnh

- i. Mở rộng danh sách các quốc gia được miễn thị thực bao gồm tất cả những quốc gia mà Việt Nam có quan hệ thương mại tự do (FTA), bao gồm tất cả các nước thành viên Liên minh châu Âu, đối tác thương mại hoặc đầu tư quan trọng và thị trường du lịch nội địa trọng điểm; kéo dài thời hạn miễn thị thực được công bố gần đây và miễn thị thực mới có thời hạn từ 1 năm đến 5 năm; và gia hạn thời gian miễn thị thực từ 15 đến 30 ngày.
- ii. Khẩn trương làm rõ các thủ tục và quy tắc cho phép du khách được miễn thị thực quay trở lại trong vòng 30 ngày; nâng cao hình thức, tốc độ truy cập và thủ tục của website thị thực điện tử hiện tại; và mở rộng danh sách các quốc gia đủ điều kiện nộp đơn xin thị thực điện tử để giúp du khách có được thị thực và tiết kiệm thời gian, cũng như giảm hồ sơ hành chính cho cả Chính phủ và du khách.
- iii. Cho phép cấp thị thực quá cảnh khi đến tối đa 72 giờ đối với hành khách bay nối chuyến và nỗ lực hơn nữa để cho phép các hãng hàng không quốc tế bay vào các sân bay Việt Nam để giảm bớt thời gian đi lại cho khách quốc tế. Điều này cũng có thể bao gồm việc tạo các chương trình điểm dừng chuyển tiếp.

b. Tiếp thị điểm đến

- i. Dành một khoản ngân sách phù hợp vào quỹ quảng bá du lịch quốc gia từ ngân sách nhà nước để hỗ trợ quảng bá du lịch; tạo điều kiện cho các đối tác công tư quản lý và vận hành hiệu quả quỹ quảng bá du lịch, nhằm mục đích thúc đẩy Việt Nam trở thành điểm đến hàng đầu trong ASEAN; và tập trung quảng bá vào các thị trường mục tiêu có số lượng khách cao và ổn định, những người có xu hướng ở lại trong một thời gian dài, ghé thăm thường xuyên và chi tiêu nhiều hơn khi đi du lịch tại Việt Nam.
- ii. Tăng cường khả năng xuất hiện của Việt Nam trong khi tiết kiệm chi phí bằng cách sử dụng các ứng dụng kỹ thuật số, dễ sử dụng trên điện thoại thông minh và các kênh tiếp thị xã hội để phát triển hình ảnh chuyên nghiệp cũng như thông tin toàn diện và hữu ích cho khách du lịch; xây dựng quỹ không chỉ cho các hoạt động quảng bá, mà cả các sáng kiến hỗ trợ các mục tiêu dài hạn của ngành; và thiết lập các cơ chế cải tiến thông tin liên lạc giữa các doanh nghiệp, hiệp hội và khu vực công liên quan đến du lịch, hợp tác với các nhóm và hiệp hội ngành một cách thường xuyên và điều phối các cơ cấu tổ chức.
- iii. Áp dụng các cơ cấu điều phối trên toàn địa phương để tập trung và tối đa hóa các hoạt động hợp tác của các tỉnh và tạo điều kiện hợp tác, mở các trung tâm quảng bá và cung cấp thông tin du lịch, có thể sử dụng công nghệ ảo trên khắp thế giới khi các hạn chế về thị thực được cải thiện nhằm nâng cao hiểu biết về Việt Nam. Các tiêu chuẩn trang web du lịch Việt Nam cũng cần được cập nhật.

c. Phát triển du lịch bền vững

- i. Các nhà quy hoạch đô thị và cơ quan quản lý du lịch cần hiểu tầm quan trọng của tài sản di sản là nguồn lực kinh tế và nguồn lực quốc gia quan trọng và nhận ra giá trị kinh tế cũng như tính mong manh của những tài sản này. Việc giới thiệu du lịch ở tầm thế giới tại các bảo tàng, di tích lịch sử và di sản cũng cần được chú ý đầu tư.
- ii. Đảm bảo tiếp cận có hệ thống hơn đối với phát triển du lịch bền vững; hỗ trợ người dân địa phương thông qua đào tạo và trao quyền kinh tế; tăng cường năng lực của các tổ chức phi lợi nhuận địa phương và tạo khuôn khổ cho hoạt động “du lịch kết hợp tình nguyện”; và phổ biến kinh nghiệm hữu ích cho khách du lịch bao gồm thông tin về các vấn đề xã hội nhạy cảm, chẳng hạn như hành vi áp dụng đối với trẻ em bán đồ lưu niệm trên đường phố hoặc ăn xin, lạm dụng tình dục, thăm trường học hoặc trại trẻ mồ côi, v.v.
- iii. Cung cấp hướng dẫn, chẳng hạn như ‘việc nên làm và không nên làm cho khách du lịch’, tại các địa điểm di sản và các địa điểm tâm linh để giúp tương tác thuận lợi với người dân địa phương và nâng cao nhận thức của khách du lịch nước ngoài về phong tục địa phương; giảm nhu cầu đối với các động vật hoang dã đang bị đe dọa và hạn chế những tương tác không kiểm soát được với động vật hoang dã để bảo vệ số lượng loài hạn chế ở Việt Nam; và khuyến khích trải nghiệm tương tác giữa khách du lịch và người dân địa phương theo những cách có ý nghĩa và phát triển các sáng kiến du lịch cộng đồng.

d. Nguồn nhân lực và đào tạo về nghề du lịch và khách sạn

- i. Các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo cần hợp tác để nâng cao nhận thức và cung cấp các quy trình để thực hiện hiệu quả các Tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp quốc gia về nghiệp vụ buồng phòng và cửa trước; Các tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp quốc gia cần được xây dựng cho các lĩnh vực khác trong ngành du lịch và khách sạn để nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh của Việt Nam như một điểm đến du lịch trong khu vực; và vai trò của Hội đồng Cấp Chứng nhận Nghiệp vụ Du lịch Việt Nam (VTCB) cần được nâng cao trong việc đánh giá, đào tạo và cung cấp chứng chỉ cho những người đã có kinh nghiệm thực tế, nhưng chưa được đào tạo chính quy.
- ii. Cần tăng cường hợp tác giữa Chính phủ và khu vực tư nhân để cải thiện các hoạt động đào tạo nghề trong lĩnh vực du lịch cho cả người học và người dạy.
- iii. Tạo điều kiện giáo dục ngôn ngữ cho người lao động trong ngành du lịch, và mời thêm các công ty giáo dục mở văn phòng tại Việt Nam với các phương pháp giảng dạy định hướng quốc tế hơn và cho sinh viên Việt Nam cơ hội lấy chứng chỉ quốc tế về du lịch và khách sạn.
- iv. Tạo điều kiện hợp tác và chuyển giao bí quyết giữa các cơ sở đào tạo và ngành khách sạn và du lịch, chẳng hạn tăng cường cơ hội đào tạo nghề kép để cung cấp chương trình đào tạo “vừa học vừa làm” theo hướng thực hành để đáp ứng nhanh chóng nhu cầu ngày càng tăng đối với lao động lành nghề trong ngành sự kiện, du lịch và khách sạn.